

HÌNH PHẠT TIỀN - DƯỚI GÓC NHÌN SO SÁNH PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỚI LIÊN BANG ÚC VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

■ NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG*

Tóm tắt: Hình phạt tiền ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong hệ thống hình phạt của nhiều quốc gia, kể cả Việt Nam và Liên bang Úc, như một biện pháp hiệu quả để xử lý các hành vi phạm tội, đặc biệt là các tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm do pháp nhân thực hiện. Bài viết phân tích quy định pháp luật hình sự về hình phạt tiền của Việt Nam và Liên bang Úc, làm rõ sự khác biệt về đối tượng pháp nhân chịu trách nhiệm, phương pháp xác định mức phạt, các yếu tố Tòa án cân nhắc và cơ chế thi hành; từ đó, rút ra một số kinh nghiệm có giá trị tham khảo đối với Việt Nam.

Từ khóa: Hình phạt tiền; pháp luật hình sự Việt Nam; pháp luật hình sự liên bang Úc; đơn vị phạt; thi hành án phạt tiền; pháp nhân phạm tội.

Nhận bài: 04/4/2025

Hoàn thành biên tập: 22/4/2025

Duyệt đăng: 05/5/2025

FINES - A COMPARATIVE PERSPECTIVE OF VIETNAMESE CRIMINAL LAW WITH THE AUSTRALIAN FEDERATION AND EXPERIENCES FOR VIETNAM

Abstract: Fines are increasingly asserting their important role in the penal system of many countries, including Vietnam and the Australian Federation, as an effective measure to handle crimes, especially less serious crimes and crimes committed by legal entities. This article analyzes the criminal law provisions on fines in Vietnam and the Australian Federation, clarifying the differences in the legal entities responsible, the method of determining the fine level, the factors considered by the Court and the enforcement mechanism; thereby, drawing some valuable experiences for Vietnam.

Keywords: Fines; Vietnamese criminal law; Australian federal criminal law; sanctioning unit; enforcement of fines; legal entities committing crimes.

Article received: 04/4/2025

Editing completed: 22/4/2025

Approved for publication: 05/5/2025

Đặt vấn đề

Trong bối cảnh chính sách hình sự hiện đại hướng tới việc giảm áp dụng hình phạt tù và ưu tiên các biện pháp xử lý không giam giữ, hình phạt tiền nổi lên như một công cụ pháp lý quan trọng. Loại hình phạt này khi được quy định và áp dụng hợp lý, không chỉ có tác dụng trừng phạt, giáo dục người phạm tội mà còn góp phần răn đe, phòng ngừa chung, đồng thời tránh được

những tác động tiêu cực của môi trường tù giam và giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước¹. Cả Việt Nam và Liên bang Úc đều ghi nhận hình phạt tiền trong hệ thống pháp luật hình sự của mình, tuy nhiên, cách tiếp cận, quy định cụ thể và cơ chế vận hành lại có những nét đặc thù riêng, phản ánh sự khác biệt về truyền thống pháp luật, điều kiện kinh tế - xã hội và quan điểm lập pháp.

* Học viên Cao học Luật Hình sự và Tố tụng hình sự K37, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

1. Lê Trung Kiên (2018), “Hệ thống hình phạt trong luật hình sự Việt Nam và Trung Quốc”, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr. 230 - 231.

Liên bang Úc - một quốc gia phát triển theo hệ thống thông luật (common law), có những quy định về hình phạt tiền, đặc biệt là cơ chế “đơn vị phạt” (penalty unit), mang tính hệ thống và linh hoạt, đã được thực thi và điều chỉnh qua thời gian dài. Việc nghiên cứu các quy định này trong pháp luật hình sự Liên bang Úc mang lại giá trị tham khảo hữu ích cho Việt Nam. Trong quá trình cải cách tư pháp và hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự, đặc biệt, sau khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015), Việt Nam đã có những điều chỉnh quan trọng liên quan đến hình phạt tiền, gồm cả áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng còn một số hạn chế, vướng mắc và đặt ra yêu cầu cần tiếp tục hoàn thiện.

Bài viết phân tích các quy định pháp luật hình sự hiện hành của Việt Nam và Liên bang Úc về hình phạt tiền; so sánh để chỉ ra những điểm tương đồng, khác biệt cơ bản giữa hai hệ thống pháp luật; qua đó, rút ra một số kinh nghiệm từ mô hình của Liên bang Úc mà Việt Nam có thể nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật hình sự về hình phạt tiền, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm và bảo đảm quyền con người trong giai đoạn mới.

1. Quy định về hình phạt tiền trong pháp luật hình sự Việt Nam

Pháp luật hình sự Việt Nam xác định hình phạt tiền là một trong những hình phạt chính thức được áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội. Vị trí và vai trò của hình phạt tiền được thể hiện rõ trong hệ thống hình phạt quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015².

Điều 32 Bộ luật Hình sự năm 2015 liệt kê hệ thống hình phạt đối với người phạm tội, trong đó, phạt tiền được quy định là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung. Tương tự, đối với pháp nhân thương mại phạm tội, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 2015 cũng quy định phạt tiền vừa có thể là hình phạt chính, vừa có thể là hình phạt bổ sung. Điều này cho thấy tính linh hoạt của hình phạt tiền trong chính sách hình sự Việt Nam, có thể áp dụng độc lập hoặc đi kèm với các hình phạt khác tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và các tình tiết khác của vụ án.

Đối tượng áp dụng hình phạt tiền được quy định cụ thể tại Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối với người phạm tội là cá nhân, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính chủ yếu đối với các trường hợp: (i) người phạm tội ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng do Bộ luật này quy định; (ii) người phạm tội rất nghiêm trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, môi trường, trật tự công cộng, an toàn công cộng và một số tội phạm khác do Bộ luật này quy định. Như vậy, phạm vi áp dụng hình phạt tiền với tư cách là hình phạt chính đã được mở rộng hơn so với các Bộ luật trước đây³, thể hiện xu hướng ưu tiên các biện pháp chế tài không tước tự do đối với một số loại tội phạm nhất định. Bên cạnh đó, phạt tiền còn được áp dụng là hình phạt bổ sung khi không áp dụng là hình phạt chính, đối với người phạm tội về tham nhũng, ma túy hoặc các tội phạm khác do Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định. Điều kiện quan trọng để áp dụng hình phạt tiền (hình phạt chính, hình phạt bổ sung) là

2. Hoàng Thị Hải Yến (2022), “So sánh hình phạt tiền trong pháp luật hình sự Việt Nam với một số nước trên thế giới”, Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn, tập 131, số 6D, tr. 144.

3. Hoàng Thị Hải Yến (2022), *tlđd*, tr. 145.

người phạm tội phải có điều kiện thi hành án, tức là có tài sản, thu nhập để nộp phạt.

Đối với pháp nhân thương mại phạm tội, Điều 77 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung. Đây là điểm mới căn bản của Bộ luật Hình sự năm 2015, lần đầu tiên ghi nhận trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại đối với một số tội phạm cụ thể được liệt kê tại Điều 76 Bộ luật Hình sự năm 2015. Việc quy định phạt tiền là hình phạt chính áp dụng cho pháp nhân thương mại thể hiện sự thừa nhận biện pháp tác động vào lợi ích kinh tế là phù hợp và hiệu quả đối với chủ thể này.

Về phương pháp xác định mức phạt tiền, Bộ luật Hình sự năm 2015 áp dụng chế độ “mức phạt đặc định” hay “khung phạt tiền cố định”⁴. Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định mức phạt tiền cụ thể được quyết định căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm, đồng thời có xem xét đến tình hình tài sản của người phạm tội, sự biến động của giá cả. Tuy nhiên, mức phạt tiền không được thấp hơn 1.000.000 đồng đối với hình phạt chính và không có mức tối thiểu đối với hình phạt bổ sung. Mức phạt tiền tối đa được quy định khác nhau tùy thuộc vào loại tội phạm và chủ thể phạm tội. Đối với người phạm tội là cá nhân, mức phạt tiền tối đa có thể lên đến hàng tỷ đồng đối với một số tội danh cụ thể trong các điều luật riêng. Đối với pháp nhân thương mại phạm tội, Điều 77 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định mức phạt tiền không được thấp hơn 50.000.000 đồng và mức tối đa cũng được xác định theo từng tội danh cụ thể, có thể lên đến hàng chục tỷ đồng hoặc không giới hạn trong một số trường hợp đặc biệt

nghiêm trọng. Cách quy định này tạo ra các khung phạt tiền rõ ràng cho từng tội danh hoặc nhóm tội danh nhưng có thể thiếu linh hoạt trong việc cá thể hóa hình phạt dựa trên khả năng tài chính thực tế của từng người phạm tội một cách chi tiết.

Về thi hành hình phạt tiền, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định trình tự, thủ tục thi hành. Người bị kết án phải nộp tiền phạt trong thời hạn nhất định. Trường hợp không tự nguyện chấp hành thì bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Điểm đáng chú ý là Bộ luật Hình sự năm 2015 không còn quy định việc chuyển đổi hình phạt tiền sang hình phạt tù trong trường hợp người bị kết án cố tình không chấp hành và có điều kiện thi hành như Bộ luật Hình sự năm 1999⁵. Thay vào đó, pháp luật tập trung vào các biện pháp cưỡng chế tài sản để bảo đảm hiệu lực thi hành của hình phạt tiền. Đối với pháp nhân thương mại, việc thi hành cũng tuân theo các quy định về thi hành án dân sự đối với tổ chức.

2. Quy định về hình phạt tiền trong pháp luật hình sự Liên bang Úc

Tại Liên bang Úc, hình phạt tiền là một trong những loại hình phạt phổ biến nhất được áp dụng trong hệ thống tư pháp hình sự liên bang, đối với cả cá nhân và công ty, tập đoàn. Các quy định về hình phạt tiền chủ yếu được quy định trong Đạo luật Tội phạm năm 1914 (Crimes Act 1914) và Bộ luật Hình sự năm 1995 (Criminal Code Act 1995), cùng với các luật chuyên ngành khác quy định về các tội phạm cụ thể.

Vị trí của hình phạt tiền trong hệ thống pháp luật hình sự Liên bang Úc rất quan trọng, có thể

4. Lê Trung Kiên (2018), *tlđđ*, tr. 290; Hoàng Thị Hải Yến (2022), *tlđđ*, tr. 145.

5. Hoàng Thị Hải Yến (2022), *tlđđ*, tr. 146.

được áp dụng độc lập hoặc kết hợp với các hình phạt khác như tù có thời hạn (imprisonment), tù treo (suspended sentence) hoặc các lệnh xử phạt cộng đồng (community correction orders). Tòa án có thẩm quyền trong việc quyết định áp dụng hình phạt tiền, dựa trên các nguyên tắc và yếu tố cần cân nhắc khi tuyên án được quy định tại Phần IB của Đạo luật Tội phạm năm 1914, đặc biệt là Mục 16A⁶. Mục này yêu cầu Tòa án phải xem xét các yếu tố như bản chất và hoàn cảnh của tội phạm, mức độ lỗi của người phạm tội, tác động của tội phạm đối với nạn nhân, tiền án tiền sự, triển vọng cải tạo và khả năng tài chính của người phạm tội⁷.

Đối tượng áp dụng hình phạt tiền gồm cả cá nhân, pháp nhân mà không có sự giới hạn chỉ áp dụng cho “pháp nhân thương mại” như ở Việt Nam. Bất kỳ pháp nhân nào, theo định nghĩa của pháp luật Liên bang Úc, đều có thể phải chịu trách nhiệm

hình sự và bị áp dụng hình phạt tiền nếu phạm tội theo quy định của luật liên bang.

Phương pháp xác định mức phạt tiền là một điểm khác biệt so với Việt Nam. Pháp luật hình sự Liên bang Úc sử dụng rộng rãi hệ thống “đơn vị phạt”. Mục 4AA của Đạo luật Tội phạm năm 1914 định nghĩa giá trị của một đơn vị phạt bằng một số tiền đô la Úc cụ thể⁸. Giá trị này được điều chỉnh định kỳ (thường là 03 năm một lần) để phản ánh sự thay đổi của chỉ số giá tiêu dùng, bảo đảm mức phạt tiền không bị mất giá do lạm phát⁹. Khi một điều luật trong Bộ luật Hình sự năm 1995 hoặc các luật liên bang khác quy định hình phạt tối đa cho một tội phạm là một số lượng đơn vị phạt nhất định, Tòa án sẽ xác định số lượng đơn vị phạt phù hợp trong giới hạn đó (không vượt quá mức tối đa) dựa trên các yếu tố của vụ án theo Mục 16A Đạo luật Tội phạm năm 1914¹⁰, sau đó, nhân số đơn vị

6. Xem Mục 16A(1), “*Crimes Act 1914 (Cth)*”. Mục này quy định: “In determining the sentence to be passed, or the order to be made, in respect of any person for a federal offence, a court must impose a sentence or make an order that is of a severity appropriate in all the circumstances of the offence” (Lược dịch: Khi quyết định bản án hoặc quyết định sẽ được đưa ra đối với bất kỳ người nào phạm tội liên bang, Tòa án phải tuyên một bản án hoặc ra một quyết định có mức độ nghiêm khắc phù hợp với mọi tình tiết của vụ án/tội phạm đó).

7. Xem Mục 16A(2), “*Crimes Act 1914 (Cth)*”. Mục này liệt kê các yếu tố Tòa án phải xem xét, bao gồm: “(a) the nature and circumstances of the offence...; (m) the character, antecedents, age, means and physical or mental condition of the person...; (n) the prospect of rehabilitation of the person; (p) the probable effect that any sentence or order under consideration would have on any of the person’s family or dependants” (Lược dịch: (a) bản chất và hoàn cảnh của tội phạm...; (m) nhân thân, tiền án tiền sự, tuổi tác, hoàn cảnh kinh tế và tình trạng thể chất hoặc tâm thần của người đó...; (n) khả năng phục hồi, cải tạo của người đó; (p) ảnh hưởng có thể xảy ra của bất kỳ bản án hoặc lệnh nào đang được xem xét đối với gia đình hoặc người phụ thuộc của người đó”).

8. Xem Mục 4AA(1), “*Crimes Act 1914 (Cth)*”. Mục này định nghĩa: “In a law of the Commonwealth or a Territory Ordinance, unless the contrary intention appears: penalty unit means the amount of \$330 (subject to indexation under subsection (3))” (Lược dịch: Trong luật của Khối thịnh vượng chung hoặc Pháp lệnh Lãnh thổ, trừ khi có quy định khác: đơn vị phạt có nghĩa là số tiền 330 đô la (có thể thay đổi theo điều chỉnh chỉ số theo tiểu mục (3))).

9. Xem Mục 4AA(3), “*Crimes Act 1914 (Cth)*”. Mục này quy định về việc điều chỉnh giá trị đơn vị phạt: “On 1 July 2026 and each third 1 July following that day (an indexation day), the dollar amount mentioned in subsection (1) is replaced by the amount worked out using the following formula: Indexation factor for the indexation day × Dollar amount immediately before the indexation day” (Lược dịch: Vào ngày 01/7/2026 và cứ mỗi ba năm một lần vào ngày 01/7 sau đó (gọi là ngày điều chỉnh), số tiền đô la được đề cập tại tiểu mục (1) sẽ được thay thế bằng số tiền tính theo công thức sau: Hệ số điều chỉnh cho ngày điều chỉnh × Số tiền đô la ngay trước ngày điều chỉnh).

10. Xem Mục 16A, “*Crimes Act 1914 (Cth)*”. Như đã nêu ở chú thích 6 và 7, Tòa án phải cân nhắc các yếu tố trong Mục 16A khi quyết định hình phạt, bao gồm cả việc xác định số lượng đơn vị phạt thích hợp trong giới hạn tối đa cho phép.

phạt này với giá trị tiền tệ của một đơn vị phạt tại thời điểm phạm tội để ra mức tiền phạt cuối cùng. Ví dụ, nếu một tội có mức phạt tối đa là 120 đơn vị phạt và giá trị một đơn vị phạt hiện hành là 330 đô la Úc thì mức phạt tiền tối đa cho tội đó là 39.600 đô la Úc.

Mục 4B của Đạo luật Tội phạm năm 1914 quy định cụ thể cách áp dụng đơn vị phạt đối với cá nhân và pháp nhân¹¹. Thông thường, nếu một điều luật chỉ quy định một mức phạt tối đa bằng đơn vị phạt mà không phân biệt chủ thể, thì mức phạt tối đa đó áp dụng cho cá nhân. Đối với pháp nhân phạm cùng tội đó, mức phạt tiền tối đa có thể cao gấp 05 lần mức phạt tối đa áp dụng cho cá nhân (Mục 4B(3) Đạo luật Tội phạm năm 1914)¹². Điều này phản ánh quan điểm, pháp nhân thường có khả năng tài chính lớn hơn và cần một mức phạt đủ sức răn đe. Bên cạnh đó, đối với một số tội

phạm, luật có thể quy định các mức phạt khác nhau hoặc các phương pháp tính toán khác, như phạt một khoản tiền gấp nhiều lần lợi ích bất chính thu được từ hành vi phạm tội. Tòa án cũng có quyền, trong những trường hợp thích hợp, áp dụng mức phạt thấp hơn mức tối đa quy định, thậm chí có thể quyết định không áp dụng hình phạt tiền nếu xét thấy không phù hợp, dựa trên các yếu tố được quy định tại Mục 16A¹³ và các quy định về giảm nhẹ hình phạt khác.

Về thi hành hình phạt tiền và xử lý trường hợp không chấp hành, pháp luật Liên bang Úc có các quy định khá chi tiết trong Đạo luật Tội phạm năm 1914 (ví dụ: Phần IB, Phân khu 4A)¹⁴. Tòa án khi tuyên phạt tiền thường sẽ ra lệnh về thời hạn và phương thức nộp phạt. Nếu người bị kết án (cá nhân hoặc pháp nhân) không nộp phạt đúng hạn, các cơ quan chức năng có thể áp dụng

11. Xem Mục 4B, “*Crimes Act 1914 (Cth)*”. Mục này có tiêu đề “Pecuniary penalties-natural persons and bodies corporate” và quy định cách áp dụng chúng, bao gồm cả việc phân biệt giữa cá nhân và pháp nhân. Ví dụ, Mục 4B(2) nêu: “Where a natural person is convicted of an offence against a law of the Commonwealth punishable by imprisonment only, the court may, if the contrary intention does not appear and the court thinks it appropriate in all the circumstances of the case, impose, instead of, or in addition to, a penalty of imprisonment, a pecuniary penalty not exceeding the number of penalty units calculated using the formula: Term of Imprisonment where: $\times 5$ Term of Imprisonment is the maximum term of imprisonment, expressed in months, by which the offence is punishable” (Lược dịch: Trường hợp một cá nhân bị kết án về một tội phạm theo luật của Khối thịnh vượng chung mà chỉ có hình phạt tù, Tòa án có thể áp dụng hình phạt tiền thay cho hoặc bổ sung vào hình phạt tù, nếu luật không có quy định khác và Tòa án xét thấy phù hợp với mọi tình tiết của vụ án. Mức phạt tiền này không được vượt quá số đơn vị phạt tính theo công thức sau: Thời hạn tù $\times 5$, trong đó: thời hạn tù là mức phạt tù tối đa, tính bằng tháng, mà tội phạm đó có thể bị áp dụng).

12. Xem Mục 4B(3), “*Crimes Act 1914 (Cth)*”. Mục này quy định: “Where a body corporate is convicted of an offence against a law of the Commonwealth, the court may, if the contrary intention does not appear and the court thinks fit, impose a pecuniary penalty not exceeding an amount equal to 5 times the amount of the maximum pecuniary penalty that could be imposed by the court on a natural person convicted of the same offence” (Lược dịch: Trường hợp một pháp nhân bị kết án về một tội phạm theo luật của Khối thịnh vượng chung, Tòa án có thể, nếu luật không có quy định khác và Tòa án xét thấy phù hợp, áp dụng hình phạt tiền. Mức phạt này không vượt quá một khoản tiền bằng 5 lần mức phạt tiền tối đa mà Tòa án có thể áp dụng đối với một cá nhân bị kết án về cùng tội danh đó).

13. Xem Mục 16A, “*Crimes Act 1914 (Cth)*”. Tòa án có thể áp dụng mức phạt thấp hơn mức tối đa hoặc không áp dụng hình phạt tiền dựa trên việc đánh giá toàn diện các yếu tố tại Mục 16A, ví dụ như hoàn cảnh tài chính của người phạm tội (16A(2)(m)) hoặc các yếu tố giảm nhẹ khác.

14. Xem Phần IB, Phân khu 4A (Part IB, Subdivision 4A), “*Crimes Act 1914 (Cth)*”. Phân khu này (từ Mục 15A trở đi) có tiêu đề “*Enforcement of fines etc*” (Thi hành hình phạt tiền...) và bao gồm các quy định chi tiết về các biện pháp cưỡng chế thi hành.

nhiều biện pháp cưỡng chế khác nhau, gồm khấu trừ lương, phong tỏa tài khoản ngân hàng, tịch thu và bán tài sản. Đối với cá nhân, trong trường hợp không có khả năng nộp phạt hoặc cố tình không chấp hành mặc dù có khả năng, Tòa án có thể xem xét các biện pháp thay thế như lệnh lao động công ích hoặc như một biện pháp cuối cùng, áp dụng hình phạt tù do không nộp phạt¹⁵. Thời hạn tù do không nộp phạt được tính toán dựa trên số tiền phạt còn nợ theo một tỷ lệ nhất định do luật quy định, nhưng cũng có những giới hạn và điều kiện áp dụng chặt chẽ để bảo đảm tính tương xứng và chỉ áp dụng khi các biện pháp khác không hiệu quả.

3. So sánh quy định về hình phạt tiền trong pháp luật hình sự Việt Nam và pháp luật hình sự Liên bang Úc

Qua phân tích các quy định pháp luật hình sự của hai quốc gia, có thể nhận thấy một số điểm tương đồng và khác biệt căn bản trong cách tiếp cận và quy định về hình phạt tiền.

Về điểm tương đồng, cả Việt Nam và Liên bang Úc đều công nhận hình phạt tiền là một bộ phận quan trọng trong hệ thống hình phạt, có thể áp dụng với tư cách là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung. Cả hai hệ thống pháp luật đều quy định việc áp dụng hình phạt tiền đối với cả chủ thể là cá nhân và pháp nhân (mặc dù phạm vi pháp nhân có khác nhau). Hơn nữa, cả hai quốc gia đều nhấn mạnh việc Tòa án cần xem xét các tình tiết của vụ án, tính chất, mức độ nguy hiểm

của hành vi phạm tội và hoàn cảnh của người phạm tội khi quyết định mức phạt cụ thể, dù cách thức thực hiện có khác nhau. Mục đích trừng trị, răn đe và phòng ngừa đều được thể hiện trong quy định về hình phạt tiền của cả hai nước.

Tuy nhiên, hệ thống pháp luật của hai quốc gia có sự khác nhau khi quy định về hình phạt tiền thể hiện những triết lý lập pháp khác nhau.

Thứ nhất, về đối tượng pháp nhân chịu trách nhiệm hình sự và bị áp dụng hình phạt tiền. Pháp luật Việt Nam hiện chỉ giới hạn ở “pháp nhân thương mại” và chỉ đối với một danh mục các tội phạm cụ thể được liệt kê tại Điều 76 Bộ luật Hình sự năm 2015. Trong khi đó, pháp luật hình sự Liên bang Úc áp dụng rộng rãi hơn cho các pháp nhân nói chung đối với hầu hết các tội phạm liên bang mà pháp nhân có thể thực hiện, không giới hạn trong một danh mục như Việt Nam.

Thứ hai, về phương pháp xác định mức phạt tiền. Đây được coi là điểm khác biệt căn bản giữa hai hệ thống pháp luật. Việt Nam sử dụng hệ thống “khung phạt tiền cố định” cho từng tội danh, quy định mức tối thiểu và tối đa bằng số tiền cụ thể¹⁶. Ngược lại, Liên bang Úc sử dụng hệ thống “đơn vị phạt” linh hoạt hơn. Hệ thống đơn vị phạt của Liên bang Úc cho phép tự động điều chỉnh giá trị tiền tệ của hình phạt theo thời gian để chống lạm phát mà không cần sửa đổi các điều luật quy định về tội phạm cụ thể. Điều này, tạo ra sự nhất quán tương đối về mức độ nghiêm khắc của hình phạt cho các tội phạm tương tự nhau, bất kể thời điểm

15. Xem Mục 15A(1AB), “*Crimes Act 1914 (Cth)*”, Subsection (1AA) applies in relation to any of the following penalties...; (e) community service by a person who failed to pay a fine; (f) detention or imprisonment of a person who failed to pay a fine; (g) a penalty that is similar to a penalty described in paragraph (e) or (f)...” (Lược dịch: Tiểu mục (1AA) áp dụng đối với bất kỳ hình phạt nào sau đây: ... (e) lao động công ích bởi người không nộp tiền phạt; (f) giam giữ hoặc phạt tù người không nộp tiền phạt; (g) một hình phạt tương tự như hình phạt được mô tả tại điểm (e) hoặc (f)...).

16. Lê Trung Kiên (2018), *tlđđ*, tr. 290; Hoàng Thị Hải Yến (2022), *tlđđ*, tr. 145.

xét xử. Đồng thời, việc quy định mức phạt tối đa cho pháp nhân cao gấp nhiều lần (thường là 05 lần) so với cá nhân cho cùng một hành vi phạm tội theo Mục 4B(3) Đạo luật Tội phạm năm 1914 là một cơ chế rõ ràng và nhất quán, trong khi ở Việt Nam, mức phạt cho pháp nhân được quy định riêng trong từng điều luật hoặc dựa trên khung chung tại Điều 77 Bộ luật Hình sự năm 2015 mà không có một tỷ lệ cố định so với cá nhân.

Thứ ba, về các yếu tố Tòa án cân nhắc khi quyết định hình phạt. Mặc dù, cả hai nước đều yêu cầu xem xét hoàn cảnh vụ án và người phạm tội, Mục 16A của Đạo luật Tội phạm năm 1914 của Liên bang Úc cung cấp một danh sách các yếu tố cụ thể và chi tiết hơn mà Tòa án bắt buộc phải xem xét khi tuyên án, gồm cả việc đánh giá khả năng tài chính của người phạm tội một cách tường minh. Điều này có thể giúp Tòa án đưa ra mức phạt phù hợp hơn và bảo đảm tính công bằng, nhất quán trong xét xử. Bộ luật Hình sự năm 2015 của Việt Nam cũng đề cập đến việc xem xét “tình hình tài sản của người phạm tội” (Điều 35) nhưng không quy định chi tiết các yếu tố khác cần cân nhắc khi áp đặt hình phạt tiền như của Liên bang Úc thực hiện.

Thứ tư, về cơ chế thi hành và xử lý việc không chấp hành. Pháp luật Liên bang Úc quy định tương đối toàn diện và hệ thống về các biện pháp cưỡng chế thi hành án phạt tiền và các biện pháp thay thế, gồm cả khả năng áp dụng tù giam do không nộp phạt như một giải pháp cuối cùng và có điều kiện. Còn pháp luật Việt Nam, sau khi loại bỏ quy định chuyển đổi phạt tiền thành tù giam trong Bộ luật Hình sự năm 2015¹⁷, chủ yếu dựa vào các biện pháp

cưỡng chế dân sự. Mặc dù điều này thể hiện tính nhân đạo nhưng có thể đặt ra thách thức trong việc bảo đảm hiệu quả thi hành đối với những trường hợp cố tình chây ì, không chấp hành án phạt tiền mặc dù có điều kiện¹⁸.

4. Một số kinh nghiệm đối với Việt Nam

Nghiên cứu so sánh pháp luật hình sự Liên bang Úc về hình phạt tiền cho thấy Việt Nam có thể nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc một số kinh nghiệm để hoàn thiện hệ thống pháp luật. Cụ thể:

Thứ nhất, xem xét khả năng áp dụng hệ thống “đơn vị phạt” thay cho hệ thống “khung phạt tiền cố định”. Ưu điểm chính của hệ thống đơn vị phạt là khả năng tự động cập nhật giá trị của hình phạt theo lạm phát, bảo đảm tính răn đe của hình phạt tiền không bị suy giảm theo thời gian¹⁹. Việc này sẽ tránh được tình trạng phải sửa đổi các điều luật trong Bộ luật Hình sự mỗi khi có biến động lớn về giá cả hoặc khi cần điều chỉnh chung mức phạt. Bên cạnh đó, việc quy định một giá trị đơn vị phạt thống nhất cho toàn liên bang (như Liên bang Úc) hoặc toàn quốc (nếu Việt Nam áp dụng) cũng góp phần tạo sự bình đẳng và nhất quán trong áp dụng pháp luật. Việc áp dụng một tỷ lệ nhân nhất định (ví dụ: 05 lần như Liên bang Úc) khi xác định mức phạt tối đa cho pháp nhân so với cá nhân cũng là một cách tiếp cận rõ ràng, minh bạch và thể hiện chính sách xử lý nghiêm khắc hơn đối với pháp nhân phạm tội. Tuy nhiên, việc chuyển đổi sang hệ thống này đòi hỏi sự nghiên cứu kỹ lưỡng về cách xác định giá trị ban đầu của đơn vị phạt, cơ chế và tần suất điều chỉnh giá trị, cũng như sự thay đổi trong cách quy định hình phạt tại Phần các tội phạm cụ thể của Bộ luật Hình sự năm 2015.

17. Hoàng Thị Hải Yến (2022), *tlđđ*, tr. 146.

18. Hoàng Thị Hải Yến (2022), *tlđđ*, tr. 151.

19. Hoàng Thị Hải Yến (2022), *tlđđ*, tr. 151.

Thứ hai, cần quy định chi tiết và rõ ràng hơn các yếu tố Tòa án phải cân nhắc khi quyết định mức phạt tiền cụ thể, tương tự như Mục 16A của Đạo luật Tội phạm năm 1914²⁰. Việc liệt kê các yếu tố như mức độ thiệt hại gây ra, lợi ích thu được từ tội phạm, khả năng tài chính thực tế của người/ pháp nhân phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ khác một cách hệ thống sẽ giúp Tòa án cá thể hóa hình phạt một cách công bằng, hợp lý và có căn cứ hơn, đồng thời tăng cường tính minh bạch và khả năng dự đoán của hoạt động xét xử.

Thứ ba, cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế bảo đảm thi hành hiệu quả hình phạt tiền. Mặc dù, việc loại bỏ quy định chuyển đổi phạt tiền sang tù giam thể hiện tính nhân đạo nhưng cần có các biện pháp cưỡng chế tài sản mạnh mẽ và hiệu quả hơn, đồng thời xem xét các giải pháp thay thế khác đối với những trường hợp người phạm tội thực sự không có khả năng nộp phạt nhưng có khả năng lao động (ví dụ: mở rộng áp dụng biện pháp lao động công ích như một hình thức chuyển đổi có điều kiện)²¹. Vì vậy, cần nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc các quy định về trình tự, thủ tục và các biện pháp đa dạng trong việc thi hành án phạt tiền của Liên bang Úc phù hợp với điều kiện Việt Nam nhằm nâng cao tỷ lệ thi hành án thành công và bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật.

Thứ tư, cần nhắc việc mở rộng phạm vi chủ thể pháp nhân chịu trách nhiệm hình sự và bị áp dụng hình phạt tiền. Việc giới hạn ở “pháp nhân thương mại” và một danh mục tội phạm nhất định có thể chưa bao quát hết các hành vi nguy hiểm cho xã hội do các loại hình pháp nhân khác thực hiện. Nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của Liên bang Úc và nhiều quốc gia khác về việc quy định trách nhiệm hình sự

của pháp nhân nói chung có thể là một hướng đi cần được xem xét trong quá trình hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong tương lai.

Kết luận

Bài viết phân tích, so sánh quy định về hình phạt tiền trong pháp luật hình sự Việt Nam và Liên bang Úc, làm nổi bật những khác biệt cơ bản về đối tượng pháp nhân, phương pháp xác định mức phạt và cơ chế thi hành. Đặc biệt, hệ thống “đơn vị phạt” linh hoạt, khả năng chống lạm phát và các quy định chi tiết về yếu tố cân nhắc khi tuyên án của Liên bang Úc cho thấy nhiều ưu điểm so với hệ thống “khung phạt tiền cố định” tại Việt Nam. Những kinh nghiệm từ mô hình của Liên bang Úc, nhất là về hệ thống đơn vị phạt và các biện pháp bảo đảm thi hành án sẽ là nguồn tham khảo giá trị cho Việt Nam trong quá trình hoàn thiện pháp luật, nhằm nâng cao hiệu quả, bảo đảm tính công bằng và khả thi của hình phạt tiền trong thực tiễn □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Australian Government (1914), “*Crimes Act 1914 (Cth)*”, Compilation No.159, <https://www.legislation.gov.au/C1914A00012/latest/text>, truy cập ngày 21/02/2025.
2. Australian Government (1995), “*Criminal Code Act 1995 (Cth)*”, Compilation No.167, <https://www.legislation.gov.au/C2004A04868/latest/text>, truy cập ngày 21/02/2025.
3. Hoàng Thị Hải Yến (2022), “*So sánh hình phạt tiền trong pháp luật hình sự Việt Nam với một số nước trên thế giới*”, Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn, tập 131, số 6D.
4. Lê Trung Kiên (2018), “*Hệ thống hình phạt trong luật hình sự Việt Nam và Trung Quốc*”, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

20. Hoàng Thị Hải Yến (2022), *tlđđ*, tr. 151.

21. Hoàng Thị Hải Yến (2022), *tlđđ*, tr. 151.